

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày 10 tháng 4 năm 2025

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Khuyên

Ông Nguyễn Tiến Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024, về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Y, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm L, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ

- Bị đơn: Anh Trần Cao M, sinh năm 1980 (vắng mặt)

HKTT: thôn T, xã Đ (nay là xã T), huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

Hiện đang chấp hành án tại đội 1, phân trại số 1 Trại giam Vĩnh Quang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Bùi Thị Y trình bày:

Chị và anh Trần Cao M kết hôn ngày 10/5/2013, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Tổ chức xong chị về chung sống và làm ăn cùng gia đình anh M ngay. Quá trình vợ chồng chung sống đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đến tháng 02/2023 anh M phạm tội vận chuyển trái phép chất ma túy bị bắt giữ, hiện đang chấp hành án tại đội 1, phân trại 1, trại giam Vĩnh Quang. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung Trần Ngọc V, sinh ngày 16/9/2013, hiện đang ở cùng chị. Ly hôn chị xin nuôi cháu V và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Cao M vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết, anh trình bày: Anh và chị Bùi Thị Y kết hôn ngày 10/5/2013, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Tổ chức xong chị Y về chung sống và làm ăn cùng gia đình anh ngay. Quá trình vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì. Tháng 02/2023 anh phạm tội vận chuyển trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 20 năm tù, hiện đang chấp hành án tại đội 1, phân trại 1, trại giam Vĩnh Quang. Quá trình anh chấp hành án chị Y có đến thăm gặp nhưng từ khi chị làm đơn ly hôn thì không đến thăm nữa. Nay chị Y xin ly hôn anh, tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không mong muốn ly hôn nhưng nếu chị Y kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung Trần Ngọc V, sinh ngày 16/9/2013, hiện đang ở cùng chị Y. Từ khi anh đi chấp hành án cháu V ở cùng chị Y. Ly hôn anh đồng ý để chị Y nuôi con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử cho chị Bùi Thị Y được ly hôn anh Trần Cao M.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc V, sinh ngày 16/9/2013, hiện đang ở cùng chị. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Bùi Thị Y khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Trần Cao M, bị đơn có HKTT tại xã Đ (nay là xã T), huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Cao M được triệu tập hợp lệ nhưng anh M từ chối nhận các văn bản của Tòa án và đề nghị Tòa án không đến làm việc với anh nữa do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị Y và anh Trần Cao M là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L (nay là xã Tây Sơn). Quá trình vợ chồng chung sống theo chị Y do tính tình không hợp nhau, anh M trình bày vợ chồng không mâu thuẫn gì. Tháng 02/2023 anh M phạm tội vận chuyển trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 20 năm tù, hiện đang chấp hành án tại đội 1, phân trại 1, trại giam Vĩnh Quang. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh M. Anh M xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không mong muốn ly hôn nhưng nếu chị Y kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, anh M xác định còn tình cảm với chị Y nhưng anh cũng không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ làm ăn chung sống, anh cũng không có tài liệu gì chứng minh việc anh còn tình cảm với chị Y, chị Y kiên quyết ly hôn với anh M. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị Y xin ly hôn anh M là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có một con chung Trần Ngọc V, sinh ngày 16/9/2013, hiện đang ở cùng chị Y. Ly hôn chị Y xin nuôi cháu V và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, anh M đồng ý. Do vậy để đảm bảo quyền lợi cho con nên giao cho chị Y nuôi cháu V. Việc chị Y không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là tự nguyện phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị Y, anh M không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị Y phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Bùi Thị Y được ly hôn anh Trần Cao M .

2.Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc V , sinh ngày 16/9/2013, hiện đang ở cùng chị. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị Y , anh M không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

4.Về án phí: Chị Bùi Thị Y phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0000578 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị Y nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THA Lập Thạch;
- UBND xã Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hai bản.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ